

Bản án số: 29/ 2021/ HS - ST

Ngày: 22 – 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thân

Bà Ngô Thị Thanh Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Xuân Trà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đại Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/ 2021/ TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Tấn P, sinh ngày 06/11/1998, tại: thành phố Sông Công-tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Đ, phường B, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: không nghề; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị M; bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: có 01 tiền án: Bản án số 26/2019/ HS - ST ngày 20/ 5/ 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (tháng 3/2020 chấp hành xong hình phạt); tiền sự: không; nhân thân: ngày 23/12/2014 bị cáo bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Bách Q, thị xã (nay là thành phố) Sông Công phạt “*Cảnh cáo*” về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”, ngày 26/7/2018 bị Công an phường Bách Q, thành phố Sông Công phạt 1.500.000 đồng về hành vi “*Đánh bạc trái phép*”, ngày 24/11/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Sông Công xử phạt 18 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” (Bản án số 59/ 2020/ HS – ST ngày 24/11/2020). Trong vụ án này, bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị cáo đang chấp hành hình phạt tù theo bản án số 59/2020/HSST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công từ ngày 12/9/2020 cho đến nay, hiện đang giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

- Người bị hại: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993; địa chỉ: xóm N, xã B, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1992; địa chỉ: xóm Đông Hồ, xã Thượng Đình, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Anh Đào Hồng Ngh, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường C, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt);

+ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt);

+ Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 5, phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt);

+ Anh Đàm Ngọc H, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ 1, phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt);

+ Anh Nguyễn Nam H, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 5, phường M, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt);

+ Anh Phạm Minh T, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường C, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 02/9/2020, anh Nguyễn Văn Q điều khiển xe mô tô BKS 20B1 – 86997 đi qua nhà Nguyễn Tấn P ở tổ dân phố Đồi, phường Bách Q. Nhìn thấy P, anh Q rủ P đi uống bia tại quán bia Lâm Sen tại tổ dân phố Bình Minh, phường Bách Q, thành phố Sông Công. Khi đến quán bia, P không uống bia mà ngồi ở một bàn khác uống nước ngọt, khoảng 30 phút sau P đi đến chỗ Q đang ngồi, hỏi mượn xe mô tô của anh Q để đi cắt tóc, anh Q đồng ý. Sau khi được giao xe, P nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Q để cầm cố lấy tiền đánh bạc, nên đã điều khiển xe đến nhà anh Đào Hồng Nghiệp tại tổ dân phố Xuân Gáo, phường Cải Đan, thành phố Sông Công, vay của anh Nghiệp 2.000.000 đồng, rồi để chiếc xe lại làm tin. Sau khi vay được tiền của anh Nghiệp, P tiếp tục gọi điện cho bạn của P là anh Dương Hùng Sơn, trú tại tổ dân phố Khu Yên, phường Bách Q, thành phố Sông Công vay thêm 500.000 đồng rồi đi đánh bạc trái phép bằng hình thức mua số lô, số đề. Khoảng 16 giờ cùng ngày không thấy P mang xe mô tô về, anh Q nhiều lần gọi điện thoại giục P mang xe về trả nhưng P nói đã cầm cố xe để đánh bạc, nếu thắng sẽ chuộc xe về trả cho Q rồi sau đó tắt máy điện thoại. Đến chiều ngày 03/9/2020, P đến nhà anh Nghiệp lấy xe mô tô đem đi bán lấy tiền trả cho anh Nghiệp. Lấy được xe, P dùng điện thoại của mình có số thuê bao là 0338.573.163 gọi cho bạn là Nguyễn Văn Hoàng, trú tại tổ dân phố Đại Ga, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, bảo bán xe cho anh Hoàng, nhưng Hoàng hỏi về giấy tờ xe, do không có nên Hoàng không mua mà giới thiệu cho người bạn của

Hoàng là anh Nguyễn Văn Dưỡng, trú tại xóm Đông Hồ, xã Thượng Đình, huyện Phú Bình, sau đó P gọi điện cho Dưỡng rồi hẹn gặp tại ngã ba Việt Đức. Qua nói chuyện, Dưỡng bảo phải có giấy tờ xe thì mới mua, P giao xe mô tô cho anh Dưỡng và hẹn sau 15 ngày sẽ mang giấy tờ xe đến sau, rồi bảo Hoàng đưa trước cho số tiền 5.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, P trả cho anh Nghiệp 2.000.000 đồng, số tiền còn lại P tiêu sài hết.

Đến chiều ngày 06/9/2020, khi đã hết tiền tiêu, P nảy sinh ý định lừa Q để lấy tiền, nên khi đang ở nhà nghỉ cây Dừa thuộc địa bàn phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, P gọi điện thoại cho bạn là Nguyễn Tuấn Anh (tên thường gọi là Cò Nì), trú tại tổ dân phố 5, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên đến chơi thì Tuấn Anh rủ thêm bạn là Đàm Ngọc Hưng, trú tại tổ dân phố 1, phường Ba Hàng đi cùng. Tại phòng trọ, P bảo với Tuấn Anh là sẽ lừa anh Q mang tiền xuống để chuộc xe rồi chiếm đoạt, nhưng Tuấn Anh không đồng ý, P mượn điện thoại của Tuấn Anh gọi điện thoại cho anh Q mang tiền xuống chuộc xe, sau đó Tuấn Anh đi về. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, anh Q nhờ anh Nguyễn Nam Hải đưa đến nhà nghỉ cây Dừa gặp P, P hẹn anh Q đến khu vực đường tàu qua chợ Ba Hàng vào Khu công nghiệp Sam Sung, P nhờ Hưng chở đến khu vực đường tàu qua chợ Ba Hàng vào Khu công nghiệp Sam Sung. Đến nơi, theo như P đã dặn, Hưng nói với Q ai cầm xe thì người đó chuộc, nên P bảo Q đưa cho mình 2.000.000 đồng, rồi cầm tiền đi về nhà nghỉ cây Dừa trả tiền phòng nghỉ, trên đường về xe của anh Hưng bị hỏng nên rẽ vào quán sửa hết 380.000 đồng, P trả tiền sửa xe, khi về đến nhà nghỉ, P đưa cho Hưng 100.000 đồng (anh Hưng không biết đó là tiền do P lừa anh Q mà có), sau đó Hưng gặp và cho Tuấn Anh số tiền 100.000 đồng trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 60 ngày 18/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Sông Công, kết luận: xe mô tô nhãn hiệu DAME màu nâu, biển kiểm soát 20B1 – 869.97 có giá trị là 2.000.000 đồng (*bút lục số 23*).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo P khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên. P khai, chiều ngày 02/9/2020, sau khi vay anh Nghiệp 2.000.000 đồng và anh Sơn số tiền 500.000 đồng, P đến cửa hàng của chị Đặng Thị Hiếu tại tổ 4, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công mua số lô, số đề hết 2.300.000 đồng; khi bị cáo P cầm xe mô tô cho anh Nghiệp và bán xe cho anh Dưỡng, bị cáo đều nói đó là xe của bị cáo; khi nhờ anh Hưng nói với anh Q “xe ai cầm thì người đó chuộc”, Hưng không biết chuyện xe mô tô trước đó P đã bán, P không có sự bàn bạc và nói gì với Hưng về mục đích lừa chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng của anh Q. Chị Hiếu khai chị chỉ bán vé xổ số theo hợp đồng với Công ty xổ số kiến thiết, không bán số lô, số đề cho ai (*bút lục số 46 - 47*). Người bị hại Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Dưỡng và những người làm chứng là các anh Nghiệp, Hoàng, Tuấn Anh, Hưng, Hải và Tuấn đều khai nội dung diễn biến sự việc diễn ra đúng như đã nêu ở trên.

Vật chứng của vụ án là chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAME, BKS 20B1 – 869.97 anh Dưỡng đã tháo bán đồ cũ và sắt phế liệu, đến nay không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người bị hại Nguyễn Văn Q chỉ yêu cầu bị cáo P phải trả lại số tiền 2.000.000 đồng anh Q đã giao cho P, không yêu cầu P

phải bồi thường giá trị chiếc xe mô tô. Bị cáo P đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh Q.

Tại bản cáo trạng số 26/ CT - VKS ngày 09/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 điều 174 và điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo P về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn P phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng: khoản 1 điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo P từ 18 đến 24 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo P từ 12 đến 18 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội, tổng hợp với hình phạt tại bản án số 59/ 2020/ HS – ST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung cho cả hai bản án. Về trách nhiệm dân sự, công nhận sự thỏa thuận, bị cáo P phải bồi thường cho người bị hại Q số tiền 2.000.000 đồng. Về án phí, đề nghị buộc bị cáo P phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị cáo P và người bị hại Q không có ý kiến tranh luận. Bị cáo P nói lời sau cùng, xin hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại giai đoạn điều tra và phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tấn P đã khai nhận toàn bộ hành vi, diễn biến nội dung sự việc đúng như nội dung kết luận điều tra và cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản,.. và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Chiều ngày 02/9/2020, tại quán bia Lâm Sen thuộc tổ dân phố Bình Minh, phường Bách Q, thành phố Sông Công, Nguyễn Tấn P (là người đang có 01 tiền án, bản án số: 26/2019/ HS - ST ngày 20/ 5/ 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”) mượn của anh Nguyễn Văn Q chiếc xe mô tô BKS 20B1 – 869.97 trị giá 2.000.000 đồng để đi cắt tóc. Sau khi mượn được xe, P nảy sinh ý định chiếm đoạt, đã đem chiếc xe mô tô giao cho anh Nghiệp, vay số tiền 2.000.000 đồng đem đi đánh bạc trái phép bằng hình thức mua số lô, số đề và hôm sau đã bán xe mô tô của anh Q được 5.000.000 đồng trả nợ cho anh Nghiệp và tiêu sài hết. Đến chiều ngày 06/9/2020, khi đang ở nhà nghỉ Cây Dừa thuộc địa phận phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, do đã hết tiền tiêu, biết anh Q muốn chuộc lại chiếc xe mô tô, nên P đã lừa bảo anh Q mang số tiền 2.000.000 đồng xuống đưa cho P để đi chuộc lại xe mô tô, sau khi anh Q đưa tiền cho P, P đã chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng của anh Q rồi bỏ trốn và tiêu sài hết.

Hành vi mượn của anh Nguyễn Văn Q chiếc xe mô tô BKS 20B1 – 869.97 trị giá 2.000.000 đồng để đi cắt tóc, sau khi mượn được xe đã nảy sinh ý định chiếm đoạt, đem cầm cố xe lấy tiền đem đi đánh bạc của bị cáo P vào chiều ngày 02/9/2020, sau đó đến ngày 03/9/2020 đã đem xe bán lấy tiền trả nợ và tiêu sài của bị cáo Nguyễn Tấn P đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Tiếp đó, hành vi của bị cáo P dùng thủ đoạn gian dối, nói lừa anh Q mang số tiền 2.000.000 đồng đưa cho P để chuộc chiếc xe mô tô BKS 20B1 – 869.97 vào chiều ngày 06/9/2020, sau đó chiếm đoạt số tiền này của anh Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Nội dung các điều luật quy định:

“Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...”

“Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật hình sự, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)...

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

Trong vụ án này, anh Đào Hồng Nghiệp là người cầm cố xe mô tô cho P vay tiền và anh Nguyễn Văn Dưỡng là người mua xe của P, nhưng không biết đó là tài sản do P phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý trách nhiệm. Đối với Nguyễn Tuấn Anh, P khai khi P bảo Tuấn Anh cùng lừa anh Q nhưng Tuấn Anh không đồng ý và đã bỏ về, đối với Đàm Ngọc Hưng là người P khai đã nói “*xe của ai cầm thì người ấy chuộc*”, tuy nhiên Hưng chỉ nghe P nhờ và nói như vậy, không có sự bàn bạc và biết mục đích P lừa chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng của anh Q và khi được P trả hộ tiền sửa xe và cho 100.000 đồng, Hưng cũng không biết đó là tiền P chiếm đoạt của anh Q mà có, không đủ cơ sở xử lý trách nhiệm đối với Hưng với vai trò là đồng phạm giúp sức cho P lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra, P khai chiều ngày 02/9/2020 P mua số lô, số đề của chị Đặng Thị Hiếu. Tuy nhiên chị Hiếu khai chị chỉ bán vé xổ số theo hợp đồng với Công ty xổ số kiến thiết, không bán số lô, số đề cho ai, ngoài ra không có tài liệu nào khác chứng minh về nội dung này, nên không có cơ sở xem xét, xử lý đối với chị Hiếu và P về hành vi đánh bạc trái phép.

[3] Đánh giá về tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tấn P:

3.1. Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo P là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, trị an tại địa P. Trong vụ án này, tính chất hành vi phạm cả hai tội bị cáo phạm phải đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tuy nhiên bị cáo đã lợi dụng niềm tin của bạn, liên tục 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của cùng một người bị hại.

3.2. Về nhân thân: Bị cáo P có đủ khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, nhưng do bản tính thích ăn chơi, đua đòi mà lười lao động, cần tiền để tiêu sài, đã lợi dụng niềm tin của bạn để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đang có một tiền án, bị kết án phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngoài ra trước đó năm 2014 và 2018 bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản và hiện tại bản thân bị cáo cũng đang phải chấp hành hình phạt tù trong một vụ án khác về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

3.3. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trong vụ án này, đối với cả hai tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” bị cáo P đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đối với tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, còn đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất của vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Trong vụ án này, mặc dù tính chất của cả hai tội bị cáo P phạm phải đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng bản thân bị cáo P là người có nhân thân rất xấu, mặc dù tuổi đời còn trẻ,

nhưng đã từng nhiều lần bị xử phạt hành chính và bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản, lần này trong thời gian ngắn lại liên tục 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của cùng một người bị hại. Nên cần phải xét xử mỗi tội của bị cáo một mức án phạt tù tương xứng với nhân thân và tính chất hành vi phạm tội, tiếp tục buộc bị cáo phải cách ly xã hội theo đề nghị của Viện kiểm sát mới đủ điều kiện để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hình phạt, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt tù bị cáo đang chấp hành tại bản án số 59/ 2020/ HS – ST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo P liên tục phải đi chấp hành án, không có nghề nghiệp và thu nhập. Nên trong vụ án này, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo P.

[4] Về vật chứng trong vụ án: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAME, biển kiểm soát 20B1 – 869.97 bị cáo P chiếm đoạt của anh Q, sau đó bán cho anh Nguyễn Văn Dưỡng, anh Dưỡng đã tháo đồ đặc ra bán đồ cũ và bán sắt phế liệu, đến nay không thu hồi được.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

5.1. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo P và người bị hại Q đã tự thỏa thuận, bị cáo P phải trả lại cho anh Q số tiền 2.000.000 đồng P đã chiếm đoạt (anh Q không yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc xe mô tô BKS 20B1 – 869.97). Sự thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, cần được công nhận.

5.2. Số tiền 5.000.000 đồng bị cáo bán chiếc xe mô tô BKS 20B1 – 869.97 chiếm đoạt trái phép của anh Quân mà có, cần được truy thu, sung vào công quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Tấn P bị kết án, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự, ngoài ra bị cáo còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ:** Các Điều 106, 136, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Thi hành án dân sự; Luật Phí, lệ phí, Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTWQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tấn P phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

1. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P 18 (*mười tám*) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P 18 (*mười tám*) tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Điều 55,56 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo P phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” là 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt tại bản án số 59/ 2020/ HS – ST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công xử phạt bị cáo P 18 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, buộc bị cáo Nguyễn Tấn P phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 54 (*năm mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/9/2020.

* Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Nguyễn Tấn P.

2. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

2.1. Áp dụng 48 Bộ luật Hình sự; Các Điều 584, 585, 589, Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Công nhận sự thỏa thuận: Bị cáo Nguyễn Tấn P phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại Nguyễn Văn Q tổng số tiền là 2.000.000đ (*hai triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo P chậm thanh toán còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn P phải nộp số tiền 5.000.000 đồng bị cáo bán tài sản chiếm đoạt trái phép mà có, sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Tấn P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp vào Ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo Nguyễn Tấn P và người bị hại là anh Nguyễn Văn Q; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Dưỡng.

Báo cho bị cáo P và người bị hại Q biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Dưỡng biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Sông Công;
- Công an TP. Sông Công;
- Bị cáo;
- Người bị hại; Người có QL, NV LQ;
- UBND phường Bách Q, TP. Sông Công;
(kèm TB Kq XX);
- THA h.sự, d.sự ;

Dương Văn Phong